

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUÂN TRƯỜNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 124/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 20-9-2022

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn
giữa chị H và anh C

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Long.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng;

Ông Trần Văn Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Cúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Trinh – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 108/2022/TLST-HNGĐ ngày 03/8/2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1978; địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

- Người làm chứng: Anh Trần Đức Th, sinh năm 1975, địa chỉ: Xóm 2, xã X, huyện X, tỉnh Nam Định; vắng mặt, anh Thiện xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thùy H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu đi đến

hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2006. Trong quá trình chung sống vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, hạnh phúc tan vỡ nên nguyện vọng của chị được xin ly hôn anh Trần Văn Chí.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung tên là Trần Trung K, sinh ngày 05/9/2004 và Trần Hà V, sinh ngày 13/5/2015; Khi ly hôn chị xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Chí phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Trần Văn C, anh C đã biết nhưng không đến Tòa án để làm việc và không gửi ý kiến bằng văn bản của mình đến Tòa án.

Người làm chứng: Anh Trần Đức T trình bày: Anh là anh trai của anh Trần Văn C, anh và anh C ở cạnh nhà nhau. Sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông tin cho anh C biết về việc chị H có đơn xin ly hôn anh Chí mà Tòa án đang giải quyết. Anh C quen biết chị Nguyễn Thị H người ở Hà T, anh chị tự nguyện lấy nhau và có đăng ký kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau được một thời gian thì hai vợ chồng C đi lên làm ăn ở Hà Nội, anh C làm nghề lái xe, họa may có công việc thì anh C, chị H mới về quê. Qua nghe thông tin vợ chồng mâu thuẫn là anh C không quan tâm chăm lo cho gia đình nên vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn. Nay chị H xin ly hôn anh C là chuyện giải quyết của anh chị và tự quyết định. Về con chung: Anh C và chị H có hai con chung là Trần Trung K, sinh ngày 05/9/2004 và Trần Hà V, sinh ngày 13/5/2015; hiện cháu Hà V đang ở Hà Nội cùng với chị H, còn cháu K đang học ở quê.

Về tài sản; Chị H và anh C có nhà, đất ở quê, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Kết quả thu thập tài liệu, chứng cứ tại UBND xã X:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn C tự nguyện tìm hiểu đi đến hôn nhân đã được Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn vào ngày 02/11/2006, số 19, quyển số 02/2006. Qua kiểm tra sổ hộ khẩu lưu tại xã X thì anh C và chị H và hai con của anh chị là cháu Trần Trung K, cháu Trần Hà V đều có hộ khẩu tại xã X, huyện , tỉnh Nam Định. Chị Nguyễn Thị H là người Hà T. Sau khi anh C và chị H lấy nhau ở nhà được một thời gian rồi đi làm ăn ở Hà Nội quanh năm thỉnh thoảng mới về quê, anh C lái xe ở trên Hà Nội nên mâu thuẫn giữa chị H và anh C địa phương không nắm rõ. Qua nghe ý kiến trình bày của chị H là do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Đối với anh C mặc dù đã được Tòa án thông báo gọi rất nhiều lần nhưng anh C cố tình không về Tòa án để làm việc điều đó bản thân anh C không thiện chí với cuộc sống chung của vợ chồng.

Căn cứ vào tình hình thực tế cũng như nguyện vọng của chị Hiền đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Về con chung: Chị H và anh C có 2 con chung tên là Trần Trung Kiên, sinh ngày 05/9/2004 và Trần Hà V, sinh ngày 13/5/2015. Khi ly hôn chị H xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh Chí phải cấp dưỡng nuôi con. Bản thân anh C biết chị H có đơn xin ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc không gửi văn bản ý kiến của mình về việc chị Hiền xin ly hôn, vì vậy khi giải quyết ly hôn giữa chị H và anh C đề nghị Tòa án giao cho chị H tiếp tục 2 nuôi con và anh C không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp.

* Về tài sản: Chị H và anh C có nhà, đất nhưng chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, các đương sự tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành theo quy định của pháp luật, bị đơn không chấp hành theo quy định của pháp luật.

Nội dung: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Đề nghị Hội đồng xét xử, xử ly hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn C

Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Trần Trung K, sinh ngày 05/9/2004 và Trần Hà V, sinh ngày 13/5/2015; Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở. Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp. Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo quy định của pháp luật và có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn tiếp tục vắng mặt không chấp hành theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C kết hôn hợp pháp. Sau khi lấy nhau vợ chồng chung sống không hạnh phúc hay xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình lối sống không hòa hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ trong cuộc sống. Từ năm 2018 đến nay chị Hiền và anh C đã sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Mặc dù anh C đã biết chị H có đơn xin ly hôn

anh, nhưng bản thân anh C không thiết tha mặn mà với cuộc sống chung của vợ chồng, không có ý kiến bằng văn bản gửi đến Tòa án điều đó chứng tỏ cuộc sống chung vợ chồng không còn, tình cảm hạnh phúc đã tan vỡ. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị H và anh C là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nay chị H xin ly hôn anh C nên chấp nhận là phù hợp với thực tế và pháp luật theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về việc nuôi con chung: Chị H và anh C có 02 con chung là Trần Trung K, sinh ngày 05/9/2004 và Trần Hà V, sinh ngày 13/5/2015. Khi ly hôn chị H xin nhận nuôi cả hai con và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị H là người có điều kiện chăm sóc con, hơn nữa nguyện vọng của các con là xin được ở với chị H. Vì vậy HĐXX sẽ giao cho chị H tiếp tục nuôi 02 con và ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Chị H không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết là phù hợp.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý về sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Nguyễn Thị H và anh Trần Văn C

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị H tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con là Trần Trung K, sinh ngày 05/9/2004 và Trần Hà V, sinh ngày 13/5/2015; Anh Trần Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp án phí ly hôn là 300.000đ được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003049 ngày 03/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định; chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh: 01 bản;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKSND tỉnh + huyện:
- Chi cục THADS huyện:
- UBND xã
- Các đương sự : ;
- Lưu hồ sơ:
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Ngọc Long

